

Bản án số: **165** /2017/DS-ST

Ngày: 30/6/2017

V/v tranh chấp “ hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Thi**

2. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ 04, ấp An H, thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang.

2. *Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:* ông **Phan Văn B**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Mỹ Ph, huyện Châu P, An Giang.

3. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim Th**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ , ấp An H, thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang.

(Bà T, ông B có mặt, bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 04/01/2017 với các tài liệu kèm theo của bà Bùi Thị T: Nguyên vào năm 2015, bà làm chủ nhiều dây hụi, trong số các dây hụi thì có bà Th tham gia 03 dây với tư cách hụi viên, cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Ngày 04/02/2015 hội 2.000.000 đồng bà Th vô hai phần, tổng cộng 39 người tham gia, bà Th hót phần thứ 01 ngày 04/02/2015 được số tiền 59.926.000 đồng, còn nợ lại 11 phần châu là 22.000.000 đồng.

Bà Th hót phần thứ 2, ngày 04/3/2015 Th hót được 61.560.000 đồng, nay bà Th còn thiếu 11 lần châu là 22.000.000 đồng.

Hội đã kết thúc ngày 04/10/2016 dương lịch còn thiếu 44.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Ngày 09/8/2015 hội 2.000.000 đồng, có 43 người tham gia, nửa tháng châu 01 lần, bà Th tham gia 01 phần. Bà Th hót ngày 24/8/2015, hót được số tiền là 66.150.000 đồng, bà Th còn thiếu lại 27 lần chưa châu là 54.000.000 đồng, đến ngày 03/6/2017 kết thúc hội.

Dây hội thứ ba: Hội ngày 15/10/2015 hội 2.000.000 đồng, hội nửa tháng châu 01 lần có 42 người tham gia, bà Th tham gia 02 phần

Hót phần thứ nhất ngày 30/10/2015 bà Th hót được 64.575.000 đồng, nay bà Th thiếu 30 lần châu số tiền 60.000.000 đồng. Đến ngày 22/7/2017 hội mới kết thúc.

Hót phần thứ hai 15/12/2015 bà Th hót được số tiền là 57.605.000 đồng, bà Th còn thiếu 30 lần châu số tiền là 60.000.000 đồng. Đến ngày 22/7/2017 hội này mới kết thúc.

Trong thời gian bà Th bỏ trốn con của bà có góp hội thay bà số tiền là 17.000.000 đồng, Tổng cộng số tiền bà T kiện còn lại là 218.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Kim Th vắng mặt. Tại phiên tòa bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Th theo quy định.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Tòa án xác định quan hệ phát luật là tranh chấp dân sự hợp đồng góp hội là đúng quy định, bà Th tham gia chơi hội do bà T làm chủ đã hót hội nhưng không châu lại là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà Th phải có nghĩa vụ trả lại số tiền mà theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, việc tham gia chơi hội nhưng đã hót hết hội mà không châu tiền lại mặc dù dây hội thứ 3 có số tiền hội vẫn còn đến ngày 22/7/2017 mới kết thúc nhưng bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả hội hàng tháng, phía nguyên đơn phải bỏ tiền ra để châu hội chết này cho các hội viên khác là hoàn toàn có căn cứ để buộc bị đơn phải trả lại tiền hội, qua xác minh nơi cư trú, gia đình của bà Th đều xác nhận có việc chơi hội và còn nợ hội của bà T do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Kim Th đã được triệu tập hợp lệ lần hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhiều lần tổng đạt bà Th đều không có ở nhà, người thân không chịu nhận thay, theo quy định tại khoản 05 Điều 177, Điều 179 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành niêm yết công khai theo quy định và tiến hành xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà T là buộc bà Th trả số tiền nợ hui vào năm 2015. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án xem xét giải quyết là: “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng hui theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Các đương sự cũng không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Nhận định về nội dung: Bà Th vô hui của bà T tổng cộng như sau, ngày 04/02/2015 hui 2.000.000 đồng bà Th vô hai phần, tổng cộng 39 người tham gia, bà Th hót phần thứ 01 ngày 04/02/2015 được số tiền 59.926.000 đồng, còn nợ lại 11 phần chầu là 22.000.000 đồng. Bà Th hót phần thứ 2, ngày 04/3/2015 Th hót được 61.560.000 đồng, nay bà Th còn thiếu 11 lần chầu là 22.000.000 đồng. Hui đã kết thúc ngày 04/10/2016 còn thiếu 44.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2015 hui 2.000.000 đồng, có 43 người tham gia, nửa tháng chầu 01 lần, bà Th tham gia 01 phần. Bà Th hót ngày 24/8/2015, hót được số tiền là 66.150.000 đồng, bà Th còn thiếu lại 27 lần chưa chầu là 54.000.000 đồng.

Hui ngày 15/10/2015 hui 2.000.000 đồng, hui nửa tháng chầu 01 lần có 42 người tham gia, bà Th tham gia 02 phần. Hót phần thứ nhất ngày 30/10/2015 bà Th hót được 64.575.000 đồng, nay bà Th thiếu 30 lần chầu số tiền 60.000.000 đồng. Hót phần thứ hai 15/12/2015 bà Th hót được số tiền là 57.605.000 đồng, bà Th còn thiếu 30 lần chầu số tiền là 60.000.000 đồng. tổng cộng là 120.000.000 đồng

Trong thời gian bà Th bỏ trốn là còn nợ là 235.000.000 đồng, con của bà có đóng hui thay bà số tiền là 17.000.000 đồng, Tổng cộng số tiền còn lại bà T kiện là 218.000.000 đồng. Bà Th tham gia 03 dây hui do bà T làm chủ vào năm 2015 nhưng đã hót xong hết và nợ lại số tiền hui chết chưa chầu là 218.000.000 đồng, quyền và lợi ích của bà T bị xâm phạm kể từ thời điểm đó. Bà T kiện đòi tiền hui nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[5] Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Hà Lê Phương V con ruột của bà Th thì qua trình bày bà V cũng thừa nhận số tiền nợ hui của mẹ bà với bà Th, bà cũng xin

để mẹ trả dần vào mỗi tháng vì hiện nay bà Th đã bỏ địa phương đi do nợ nần nhiều người:

Tòa án cũng đến Công an thị trấn An P liên hệ ông Nguyễn Văn T (Phó trưởng Công an thị trấn) ông T cũng cho biết là hiện nay bà Th không còn ở phương nữa đã đi vài tháng nay không thấy về, nhưng hộ khẩu thường trú thì vẫn còn bà đứng tên chủ hộ.

Tòa án tiến hành lấy lời khai và cho đối chất với những người làm chứng là bà Hà Ngọc M, bà Nguyễn Thị Ng và ông Hồ Đại T cùng tham gia chơi hụi với Th trong các dây hụi mà bà T làm chủ thì cũng thể hiện là bà Th có tham gia hụi chung với những người này.

Do đó bà Th đã cố tình trốn tránh việc góp hụi cho bà T, nhiều lần Tòa án mời, bà không đến mặc dù gia đình của bà, con ruột của bà biết việc này do đó xem như bà từ bỏ quyền lợi của mình và không tôn trọng pháp luật nên cần thiết phải xét xử vắng mặt theo quy định.

[6] Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.”* Do đó việc xác minh nơi cư trú của bà Th cho thấy bà vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và lý do bỏ đi là trốn tránh nợ, do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Th.

[7] Từ những đánh giá chứng cứ như trên, trên cơ sở phát biểu quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án, đủ cơ sở buộc bà Lê Thị Kim Th phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền 218.000.000 (Hai trăm mười tám triệu đồng).

[8] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 429; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 5, Điều 177; Điều 179; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Thị T.

Buộc bà Lê Thị Kim Th phải trả cho bà Bùi Thị T 218.000.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim Th phải chịu 10.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Bà Bùi Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005633 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú mà bà đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2017) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Th được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phong Phi